

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2024/HSST

Ngày: 07/5/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Vinh

Bà Phan Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/5/2024 tại Hội trường xét xử A Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HS ngày 25/4/2024 đối với các bị cáo:

1. Võ Trọng T, sinh năm 1976, tại tỉnh Hậu Giang; Nơi thường trú: Thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông ; Trình độ học vấn: 6/12; con ông Võ Bá L (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo có vợ là bà Lê Thị L1, sinh năm 1992, có 03 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Đức B, sinh năm 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi thường trú: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Lê Đức S và bà Phan Thị H1; Bị cáo có vợ là Trương Thị M, sinh năm 1999, có 02 con cháu lớn sinh năm 2019, cháu nhỏ sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Đức S, sinh năm 1968, tại Thừa Thiên Huế; Nơi thường trú: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; con ông Lê

Đức K (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo có vợ là Phan Thị H1; Có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023; Hiện đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. **Đặng Ngọc T1**, sinh năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn G xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; con ông Đặng Ngọc B1 và bà Ngô Thị Kim Á; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 10/9/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện C cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Đức S1**, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi thường trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Lê Đức S và bà Phan Thị H1; Bị cáo có vợ là Nguyễn Kim L2, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 02/8/2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Huyền T2, sinh năm 2004

Trú tại: Thôn C, xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

2. Bà Lê Thị L1, sinh năm 1993

Hiện tạm trú: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

** Người làm chứng*

3. Bà Lê Diễm M1, sinh năm 1991

4. Bà Trần Thị Kim L3, sinh năm 1964

5. Ông Nguyễn Khắc T3, sinh năm 1997

Trú tại: Thôn D, xã H, Tp B, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 30 phút đến 20 giờ 30 phút ngày 05/3/2023, tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp Công an huyện C bắt quả tang trên vườn của nhà Võ Trọng T đang trồng 816 (tám trăm mười sáu) cây thảo dược (*cần sa*); trên đất vườn của nhà Lê Đức S đang trồng 1.075 (một nghìn không trăm bảy mươi lăm) cây thảo dược (*cần sa*); trên đất vườn của Lê Đức B đang trồng 107 (một trăm lẻ bảy) cây thảo dược (*cần sa*). Ngoài ra tại nhà của Lê Đức B đã thu giữ được 20,8kg hoa thảo dược (*cần sa*) được B cất giấu ở nhiều nơi trong nhà, trong đó Lê Đức S1 đang cầm trên tay 3,1 kg hoa thảo dược (*cần sa*) đi cất giấu thì bị Cơ quan Công an phát hiện, lập

biên bản bắt người phạm tội quả tang, tiến hành lập biên bản thu giữ và niêm phong số cây và hoa nêu trên.

Tại Kết luận giám định số 320 ngày 13/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu đại diện của **1075 cây** thảo mộc tươi gửi giám định có chứa chất ma túy, loại: Cần sa.

Tại Kết luận giám định số 321 ngày 13/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận: Mẫu đại diện của **816 cây thảo** mộc tươi gửi giám định có chứa chất ma túy, loại: Cần sa.

Tại Kết luận giám định số 322 ngày 13/3/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ kết luận:

+ Mẫu đại diện của 107 cây thảo mộc tươi có chứa chất ma túy, loại: Cần sa.

+ Bao xác rắn màu trắng ký hiệu M1: Hoa thảo mộc được niêm phong gửi giám định có chứa chất ma túy, tổng khối lượng 6400gam, loại: Cần sa.

+ Bao xác rắn màu trắng ký hiệu M2: Hoa thảo mộc được niêm phong gửi giám định có chứa chất ma túy, tổng khối lượng 7600gam, loại: Cần sa.

+ Túi nylon trong suốt ký hiệu M3: Hoa thảo mộc được niêm phong gửi giám định có chứa chất ma túy, tổng khối lượng 3700gam, loại: Cần sa.

+ Túi nylon trong suốt ký hiệu M4: Hoa thảo mộc được niêm phong gửi giám định có chứa chất ma túy, tổng khối lượng 3100gam, loại: Cần sa.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và qua thu thập chứng cứ thể hiện ngoài các vật chứng đã bị thu giữ nêu trên thì các bị cáo còn thực hiện hành vi trồng và mua bán trái phép chất ma túy trước đó, cụ thể như sau:

Vào tháng 8 năm 2022 (*không nhớ ngày*) Võ Trọng T ngồi uống nước gần Viện E thì gặp một người đàn ông (*không biết họ tên, địa chỉ cụ thể*) trong quá trình nói chuyện thì người đàn ông này đề cập về việc sẽ cung cấp giống cây cần sa cho T trồng, đồng thời cho số điện thoại để liên lạc. Vài ngày sau, T gọi điện thoại cho người đàn ông nói trên và hẹn gặp tại khu vực xã H, thành phố B và được người đàn ông này đưa cho T khoảng 300 hạt giống cây cần sa, đồng thời hướng dẫn cách trồng, chăm sóc và thu hoạch cho T, cũng như hứa hẹn sẽ mua hoa cần sa với giá trên 5.000.000 đồng/kg.

Sau khi có được hạt cần sa, T mang về ươm được khoảng 300 bầu cây, tiến hành đem trồng, chăm sóc trên đất thuộc buôn K, xã E, huyện C và đến khoảng tháng 10 năm 2022 T thu hoạch được 04 kg hoa cần sa khô, sau đó T và người đàn ông nêu trên gọi điện thoại cho nhau, hẹn gặp tại đoạn đường bê tông liên xã E đi xã E để mua bán 04 kg hoa cần sa khô. Tuy nhiên, khi xem hoa cần sa khô do T mang đến, thấy hoa bị hư hỏng nhiều nên chỉ mua với giá 4.000.000 đồng/kg và đưa cho T số tiền 16.000.000 đồng.

Trong thời gian đó T tiếp tục lấy hạt ươm, trồng cây cần sa vụ mới trên đất của T và có nói với Lê Đức S (bố vợ T), Lê Đức B (em vợ T) về việc trồng cây cần sa, thu hoa cần sa bán sẽ có tiền nên vào khoảng tháng 10 năm 2022 Lê Đức B và

Lê Đức S lấy hạt cần sa của T về ương, trồng trên đất của Lê Đức B và Lê Đức S. Quá trình trồng cần sa thì ngoài việc trồng, chăm sóc cây cần sa của mình thì B còn sang vườn của Lê Đức S trồng, chăm sóc cây cần sa giúp S, khi cây cần sa đến thời kỳ thu hoạch thì S sang giúp Lê Đức B thu hoạch cây cần sa, mang đi phơi khô và cất giấu trong nhà của B rồi thống nhất đưa cho T bán lấy tiền.

Vào tháng 02 năm 2023 (không nhớ ngày), Võ Trọng T đi đến thôn D, xã H, thành phố B ngồi chơi, nói chuyện với Đặng Ngọc T1, sinh năm 2000, cư trú tại thôn G, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc T có hoa cần sa nhưng không biết bán ở đâu. Nghe vậy, T1 nói có nhu cầu mua hoa cần sa khô và cả hai lấy số điện thoại của nhau để liên lạc.

Đến ngày 20/02/2023, T1 đã sử dụng số điện thoại 0911927086 gọi cho T vào số điện thoại 0823195658 để thỏa thuận việc mua bán hoa cần sa khô cũng như hướng dẫn cho T cách thức gửi hàng cho T1 với giá mua hoa cần sa khô là 10.000.000 đồng/kg. Sau khi được T1 hướng dẫn cách thức gửi hàng thì T dùng cân đồng hồ màu xanh loại cân 05 kg, nhãn hiệu Nhơn H2 cân hoa cần sa khô của B đưa là 01 kg và của T được 05 kg rồi đóng tất cả 06 kg hoa cần sa khô vào thùng dán kín và ghi thông tin người nhận hàng do T1 cung cấp ngoài thùng hàng là Cô V, Bến xe Đ và số điện thoại người nhận hàng (không nhớ số điện thoại) và dùng xe mô tô mang biển kiểm soát 47P3-1326 nhãn hiệu Some, màu nâu chở thùng hàng chứa hoa cần sa đi đến nhà xe C thuộc thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để gửi hàng đi thành phố Đà Nẵng. Sau khi người ở Đà Nẵng nhận được hàng thì vào các ngày 22/02/2023 và 24/02/2023 từ tài khoản Ngân hàng V1 số 9936514747 mang tên Đặng Ngọc T1 đã chuyển vào tài khoản Ngân hàng A số 5220205176505 của Võ Trọng T với tổng số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), trong số tiền này T đưa cho B 10.000.000 đồng (mười triệu đồng tương ứng với 01 kg hoa cần sa của B), số tiền còn lại 50.000.000 đồng T giữ tiêu xài.

Khoảng một tuần sau, T1 dùng số điện thoại 0911927086 gọi vào số điện thoại 0823195658 của T tiếp tục mua bán hoa cần sa khô, T nói với T1 cần tiền và muốn lấy trước của T1 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), ngày 02/3/2023 Đặng Ngọc T1 sử dụng tài khoản của T1 thuộc Ngân hàng M3 số 08347239999 chuyển số tiền 100.000.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng V1 số 0231000613113 của Lê Diễm M1 và nhờ M1 chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản của T; sau khi nhận được tiền của T1 gửi cho M1 thì cũng trong ngày 02/3/2023, Lê Diễm M1 sử dụng tài khoản Ngân hàng V1 số 0231000613113 chuyển số tiền 100.000.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng A số 5220205176505 của T. Chiều tối ngày 02/3/2023, T1 liên lạc với T để mượn lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và được T đồng ý, sau đó T sử dụng tài khoản Ngân hàng A số 5220205176505 chuyển vào tài khoản Ngân hàng M3 số 083472329999 của T1 số tiền 10.000.000 đồng.

Sáng ngày 05/3/2023, T đi về nhà đóng gói 05kg hoa cần sa khô và gọi điện thoại báo cho T1 biết việc T chuẩn bị gửi hoa cần sa cho T1 nên T1 hướng dẫn T ghi số điện thoại người nhận lên thùng giấy chứa hoa cần sa để gửi ra Bến xe Đ (không nhớ số điện thoại), cùng ngày T sử dụng xe mô tô biển số 47P3 – 1326 chở

thùng hàng chứa 05kg hoa cần sa khô đi đến bến xe khách tỉnh Đắk Lắk để gửi hàng, khi về nhà tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk thì chiều cùng ngày bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi trồng cây cần sa.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐGTS ngày 31/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện C đã kết luận: *Cân đồng hồ màu xanh loại khối lượng tối đa là 05 kg, thời điểm định giá 05/3/2023 có giá trị 93.300 đồng; Xe mô tô mang biển kiểm soát 47P3-1326 (xe đã cũ) nhãn hiệu Some, màu nâu, thời điểm định giá 05/3/2023 có giá trị 1.466.000 đồng.*

Tại bản Kết luận giám định số 965/KL-KTHS ngày 21/9/2023 của phòng K1 Công an tỉnh Đ thể hiện:

1. Điện thoại di động ký hiệu A1 (*Điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 12, tìm thấy 4520 tập tin hình ảnh trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 10/03/2023.*

- *Không tìm thấy tin nhắn SMS, tin nhắn M2 (Facebook) tin nhắn zalo trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 10/03/2023.*

2. Điện thoại di động ký hiệu A2 (*Điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số seri 1: 358367101246719/01, trong điện thoại có 01 (một) sim, trên sim có các ký tự đọc được là “vinaphone 8984020001142897927”*)

- *Tìm thấy 02 tập tin hình ảnh, 03 tin nhắn SMS trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 10/03/2023.*

- *Chụp được 08 tin nhắn Zalo SMS trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 10/03/2023.*

- *Không tìm thấy tin nhắn M2 (Facebook) trong thời gian từ ngày 18/02/2023 đến ngày 10/03/2023.*

Tại bản Kết luận giám định số 1261/KL-KTHS ngày 22/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Đ thể hiện:

Điện thoại di động (ký hiệu A)

- *Tìm thấy 223 hình ảnh, 157 tin nhắn SMS, 4710 tin nhắn Messenger (Facebook), 231 tin nhắn Zalo, 17 dữ liệu Gmail từ ngày 20/8/2023 đến ngày 10/9/2023.*

- *Không tìm thấy dữ liệu ứng dụng Internet Banking trong thời gian từ ngày 20/8/2023 đến ngày 10/9/2023*

Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể Đặng Ngọc T1 tại Bệnh viện đa khoa thành phố B vào ngày 10/9/2023 thể hiện: Đặng Ngọc T1 dương tính với chất ma túy: Amphetamine và Methamphetamine.

+ Về việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng:

Quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đã thu giữ, tạm giữ:

- 816 (tám trăm mười sáu) cây thảo mộc đựng trong 06 (sáu) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 1.075 (một nghìn không trăm bảy lăm) cây thảo mộc đựng trong 12 (mười hai) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 107 (một trăm lẻ bảy) cây thảo mộc cao từ 20cm đến 60cm bỏ trong hai bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định.

- 02 (hai) túi nilon trong suốt bên trong chứa thảo mộc (thu giữ trong tủ lạnh) được bỏ vào trong một bao xác rắn màu trắng; 02 túi nilong trong suốt (trong đó một túi nilon lớn có chứa cả thảo mộc thu giữ trên mẹt) và một túi nilon màu vàng bên trong có ba túi nilon đều chứa thảo mộc (thu giữ trong nhà kho) được bỏ vào trong một bao xác rắn màu trắng; một túi nilon trong suốt chứa hoa thảo mộc (treo trên dây trong nhà kho); một túi nilon trong suốt chứa thảo mộc thu giữ trên tay của Lê Đức S1, tất cả đều được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung, số Imei 358544101860372, kèm sim điện thoại số 0966236662 của Lê Đức B.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo, số Imei 1: 866876063395558, kèm sim điện thoại số 0338531504 của Lê Đức S1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, Imei 1: 352938771309734, Imei 2: 354350331309733, kèm sim số 0366498164 của Lê Đức S.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 357761102026214, kèm sim số 0923150087 của Võ Trọng T.

+ Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ thêm các tài liệu, đồ vật gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei 358367101246719, kèm sim số 0823195658 của Võ Trọng T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu trắng, số Imei 350777739172988 (không gắn thẻ sim) của chị Nguyễn Thị Huyền T4, sinh năm 2004.

- 01 (Một) Cân đồng hồ màu xanh loại có khối lượng cân 05 kg, nhãn hiệu Nhon Hòa của Võ Trọng T.

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu SOME, màu nâu, biển kiểm soát 47P3 – 1326 (xe đã cũ), số máy: P50FMG001525, số khung: GOUM8XS01525, kèm theo bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe số 001338, ngày 23/4/2009 xe đứng tên ông Trần Văn T5.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 357761102026214, kèm sim số 0923150087 cho chủ sở hữu hợp pháp là Võ Trọng T.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo, số Imei 1: 866876063395558, kèm sim điện thoại số 0338531504 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S1.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung, số I (khe 1): 358544101860372, kèm sim điện thoại số 0966236662 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, Imei 1: 352938771309734, Imei 2: 354350331309733, kèm sim số 0366498164 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S.

Tại bản cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 28/12/2023 của Viện kiểm nhân dân huyện C truy tố các bị cáo như sau:

Bị cáo Võ Trọng T về tội: Trồng cây cần sa, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Lê Đức B, Lê Đức S về tội: “Trồng cây cần sa”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015;

Bị cáo Đặng Ngọc T1, về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Bị cáo Lê Đức S1, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

+ Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của các bị cáo theo bản cáo trạng số 02/CT-VKS-HS ngày 28/12/2023 của Viện kiểm nhân dân huyện C là đúng người đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Võ Trọng T, Lê Đức B, Lê Đức S phạm tội “Trồng cây cần sa” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Đặng Ngọc T1 phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Đức S1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 247; điểm b, k khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Võ Trọng T** mức án tù 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trồng cây cần sa” và mức án 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành mức án từ 08 năm 09 tháng đến 09 năm 06 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 247; điểm k khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức b** và **Lê Đức S** mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù về tội “Trồng cây cần sa” và mức án 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung là từ 07 năm 09 tháng đến 08 năm 06 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày tính từ ngày bắt thi hành án

Áp dụng điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Đặng Ngọc T1** mức án từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09/8/2023).

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức S1** mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 02/8/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt thi hành án.

- **Hình phạt bổ sung:** Không áp dụng.

b) Về xử lý vật chứng:

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 357761102026214, kèm sim số 0923150087 cho chủ sở hữu hợp pháp là Võ Trọng T.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo, số Imei 1: 866876063395558, kèm sim điện thoại số 0338531504 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S1.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung, số I (khe 1): 358544101860372, kèm sim điện thoại số 0966236662 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, Imei 1: 352938771309734, Imei 2: 354350331309733, kèm sim số 0366498164 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S.

- **Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội bao gồm:**

- 816 (tám trăm mười sáu) cây thảo mộc đựng trong 06 (sáu) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 1.075 (một nghìn không trăm bảy lăm) cây thảo mộc đựng trong 12 (mười hai) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 107 (một trăm lẻ bảy) cây thảo mộc cao từ 20cm đến 60cm bỏ trong hai bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định.

- Đối với mẫu vật còn lại sau giám định của cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu xanh ký hiệu từ T1 đến T6, ký hiệu từ N1 đến N12, ký hiệu từ M5 đến M6, trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu từ M1 đến M4 (được niêm phong theo quy định) gồm: Cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu M1 có khối lượng 6100gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong bao xác rắn màu trắng ký

hiệu M2 có khối lượng 7300gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M3 có khối lượng 3300gam; mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M4 có khối lượng 2700gam.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu trắng, số Imei 350777739172988 (không gắn thẻ sim) của chị Nguyễn Thị Huyền T4.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei 358367101246719, kèm sim số 0823195658 của Võ Trọng T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1;

01 cân đồng hồ màu xanh loại có khối lượng cân 05 kg, nhãn hiệu Nhơn Hòa; 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu SOME, màu nâu, biển kiểm soát 47P3 – 1326 (xe đã cũ), số máy: P50FMG001525, số khung: GOUM8XS01525. Đối với bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy nêu trên cần tiếp tục thu giữ để đảm bảo công tác xử lý đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô 47P3-1326.

Biện pháp tư pháp:

Truy thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 156.000.000 đồng của Võ Trọng T và số tiền 10.000.000 đồng của Lê Đức B thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

Về trách nhiệm dân sự: Không có

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, Võ Trọng T, Lê Đức B, Lê Đức S2, Đặng Ngọc T1, Lê Đức S1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Từ tháng 8 năm 2022 đến đầu tháng 3 năm 2023 Võ Trọng T, Lê Đức S, Lê Đức B đã trồng trái phép cây cần sa, trên đất vườn của gia đình sau đó tàng trữ hoa cần sa khô nhằm mục đích bán lại kiếm lời, theo đó Võ Trọng T trồng 816 cây cần sa trên vườn và ba lần bán hoa cần

sa (trong đó bán cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch 04 kg hoa cần sa khô được số tiền 16.000.000 đồng và bán hai lần cho Đặng Ngọc T1 cụ thể lần thứ nhất vào tháng 02 năm 2023 bán cho T1 06 kg hoa cần sa khô được 60.000.000 đồng “trong đó của T 05 kg của B đưa 01 kg” bán cho T1 lần thứ hai vào ngày 05/3/2023 với 05 kg hoa cần sa khô, T đã nhận trước số tiền 100.000.000 đồng của Đặng Ngọc T1) đối với Lê Đức S và Lê Đức B trồng 1.182 cây cần sa trong vườn và đã nhờ T bán được 01 kg hoa cần sa thu được 10.000.000 đồng; ngoài ra còn tàng trữ trong nhà 20.8 kg hoa cần sa mục đích để bán lấy tiền; Lê Đức S1 đã có hành vi cất dấu 3,1 kg hoa cần sa giúp Lê Đức B. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố Võ Trọng T về tội: Trồng cây cần sa, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Lê Đức B, Lê Đức S về tội: Trồng cây cần sa, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 247 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo Đặng Ngọc T1, về tội: Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015; Lê Đức S1, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo điểm d khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Điều 247 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trồng cây thuốc phiện, cây cô ca, cây cần sa hoặc các loại cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 06 tháng đến 03 năm:

c) Với số lượng từ 500 cây đến dưới 3000 cây.”

Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

d) Lá cây cô ca, lá khát (Lá cây Catha edulis); lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do Chính phủ quy định có khối lượng từ 01 kilôgam đến dưới 10ki lôgam;

Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

b) Phạm tội 02 lần trở lên.

k) lá cây cô ca, lá khát (lá cây Catha Edulis), lá, rễ, thân, cành, hoa, quả của cây cần sa hoặc bộ phận của cây khác có chứa chất ma túy do chính phủ quy định có khối lượng từ 10kilô gam đến dưới 25 kilôgam.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất của vụ án do các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Hành vi phạm tội của các bị cáo ngoài việc xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về dược liệu là chất ma túy, còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây tác hại xấu đến đời sống nhân dân. Các bị cáo đã mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi tiếp tay cho người khác sử dụng ma túy dẫn đến nghiện ngập. Khi lên cơn nghiện thì các con nghiện bất chấp để có tiền sử dụng ma túy, đây là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội, lây truyền bệnh dịch HIV/AIDS mà Nhà nước ta đang phát động, kêu gọi toàn dân phòng chống và đi đến loại bỏ ma túy ra khỏi đời sống nhân dân.

Các bị cáo nhận thức được việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật và nếu ai vi phạm thì sẽ bị pháp luật trừng trị một cách nghiêm khắc. Nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân và muốn có ma túy để bán lấy tiền mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo đã mua, bán chất ma túy nhiều lần nên bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251BLHS là hoàn toàn đúng đắn.

Bị cáo Lê Đức S1 đã có hành vi cầm 3,1 kg cần sa đi cất dấu nên hành vi của bị cáo là tàng trữ trái phép chất ma túy nên bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS là hoàn toàn đúng đắn.

Hội đồng xét xử xét cần áp dụng Điều luật nói trên khi lượng hình, cần xử các bị cáo một mức hình phạt tương ứng với tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Trong vụ án này có nhiều bị cáo cùng tham gia: Tính chất, hành vi và mức độ phạm tội cũng khác nhau. Do đó Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc lượng hình sao cho phù hợp với vai trò của từng bị cáo:

+ Đối với bị cáo Võ Trọng T là người khởi xướng, bị cáo đã mua hạt giống cây cần sa về trồng thu hoạch bán để kiếm lời, bị cáo là người đi tìm kiếm giao dịch tìm đầu ra để bán hoa cần sa cho các bị cáo Lê Đức S và Lê Đức B. Từ khoảng thời gian Từ tháng 8 năm 2022 đến đầu tháng 3 năm 2023 bị cáo là người đi bán hoa cần sa nhiều lần để lấy tiền, bị cáo thực hiện hành vi tích cực, bản thân đã tự tìm kiếm, liên lạc để đi bán ma túy (H3 cần sa), bán với số lượng hơn 10 kg nên tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm hơn bị các khác nên cần xét xử bị cáo với mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

+ Đối với bị cáo **Lê Đức b** là tự tìm kiếm hạt giống bên nhà bị cáo T về trồng với mục đích là thu hoạch bán kiếm tiền, bị cáo là người giúp sức cho Lê Đức S về hành vi trồng cây cần sa chứa chất ma túy, bị cáo tham gia rất tích cực, là người trực tiếp thu hoạch hoa cần sa về sơ chế giao cho bị cáo Võ Trọng T đi bán, ngoài ra bị cáo còn có hành vi giúp cho bị cáo Lê Đức S chăm sóc, thu hoạch cần sa. Khi bị bắt trong nhà bị cáo còn chứa một số lượng cần sa lớn hơn 20,8 kg nên cần xử bị cáo với mức hình phạt thấp hơn Võ Trọng T nhưng cao hơn các bị cáo khác trong vụ án.

+ Đối với bị cáo **Lê Đức S** đã có hành vi là tự tìm kiếm hạt giống bên nhà bị cáo T về trồng với mục đích là thu hoạch bán kiếm tiền, bị cáo tham gia rất tích

cực, là người trực tiếp giúp bị cáo B thu hoạch hoa cần sa về chế biến thành phẩm giao cho bị cáo Lê Đức B để đưa cho bị cáo T đi bán. Bị cáo là người trồng cây cần sa với số lượng lớn nhất là 1.075 cây cần sa nên cần xử bị cáo với mức hình phạt thấp hơn bị cáo Lê Đức B nhưng cao hơn bị cáo Đặng Ngọc T1 trong vụ án.

+ Đối với bị cáo **Đặng Ngọc T1** đã có hành vi dùng điện thoại 33 lần gọi điện liên hệ để mua hoa cần sa với bị cáo Võ Trọng T và bị cáo Võ Trọng t có 19 lần liên hệ với bị cáo Đặng Ngọc T1 nhưng quá trình điều tra bị cáo cho rằng không quen biết với bị cáo Võ Trọng T là không trung thực. Ngoài ra bị cáo đã có 02 (hai) lần chuyển khoản với số tiền lớn cho bị cáo Võ Trọng T và T cho biết đây là tiền thanh toán mua 11 kg hoa cần sa là có căn cứ, bị cáo tham gia rất tích cực, nhưng quá trình điều tra bị cáo chối tội, cho rằng bị cáo không quen biết với bị cáo Võ Trọng T là không đúng. Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi mua bán hoa cần sa của bị cáo T nên bị cáo cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s Điều 51 BLHS nên cần xét xử bị cáo với mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Đối với bị cáo Lê Đức S1 không trồng cây cần sa, nhưng khi bị cơ quan Công an phát hiện thì đã có hành vi đem cần sa đi cất dấu nhằm trốn tránh lực lượng chức năng phát hiện. Số lượng hoa cần sa bị cáo đi cất dấu là 3,1 kg nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm tội do bị cáo gây ra HĐXX cần xử bị cáo với mức hình phạt thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này thì trước đến nay tại địa phương chấp hành tốt quy định của pháp luật.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Võ trọng tự nguyện khai báo các lần bán hoa cần sa nên được áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Lê Đức S1 được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

- Về hình phạt: Xét thấy tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, qua những phân tích các tình tiết nêu trên của vụ án, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài thì mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện. Sau khi ra tù tái hòa nhập với đời sống cộng đồng bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp nên không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Xét đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử cần phân hoá tội phạm điều chỉnh áp dụng mức hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không có.

- **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng đối với các bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 357761102026214, kèm sim số 0923150087 cho chủ sở hữu hợp pháp là Võ Trọng T.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo, số Imei 1: 866876063395558, kèm sim điện thoại số 0338531504 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S1.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung, số I (khe 1): 358544101860372, kèm sim điện thoại số 0966236662 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, Imei 1: 352938771309734, Imei 2: 354350331309733, kèm sim số 0366498164 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S.

- **Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội bao gồm:**

- 816 (tám trăm mười sáu) cây thảo mộc đựng trong 06 (sáu) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 1.075 (một nghìn không trăm bảy lăm) cây thảo mộc đựng trong 12 (mười hai) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 107 (một trăm lẻ bảy) cây thảo mộc cao từ 20cm đến 60cm bỏ trong hai bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định.

- Đối với mẫu vật còn lại sau giám định của cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu xanh ký hiệu từ T1 đến T6, ký hiệu từ N1 đến N12, ký hiệu từ M5 đến M6, trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu từ M1 đến M4 (được niêm phong theo quy định) gồm: Cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu M1 có khối lượng 6100gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu M2 có khối lượng 7300gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M3 có khối lượng 3300gam; mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M4 có khối lượng 2700gam.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu trắng, số Imei 350777739172988 (không gắn thẻ sim) của chị Nguyễn Thị Huyền T4.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei 358367101246719, kèm sim số 0823195658 của Võ Trọng T; 01 cân đồng hồ màu xanh loại có khối lượng cân 05 kg, nhãn hiệu Nhơn Hòa; 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu SOME, màu nâu, biển kiểm soát 47P3 – 1326 (xe đã cũ), số máy: P50FMG001525, số khung: GOUM8XS01525. Đối với bản gốc giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy nêu trên cần tiếp tục thu giữ để đảm bảo công tác xử lý đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô 47P3-1326.

- **Các biện pháp tư pháp:** Truy thu sung công quỹ Nhà Nước số tiền 156.000.000 đồng của Võ Trọng T và số tiền 10.000.000 đồng của Lê Đức B thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Võ Trọng T, Lê Đức B, Lê Đức S phạm tội “Trồng cây cần sa” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Đặng Ngọc T1 phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”; Bị cáo Lê Đức S1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 247; điểm b, k khoản 2 Điều 251; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Võ Trọng T** 01 năm 03 tháng tù về tội “Trồng cây cần sa” và 08 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành mức án 09 năm 09 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày vào chấp hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 247; điểm k khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Lê Đức B** mức án tù 01 năm tù về tội “Trồng cây cần sa” và mức án 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 09 năm tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày vào chấp hành án.

Xử phạt bị cáo **Lê Đức S** mức án tù 01 năm 06 tháng tù về tội “Trồng cây cần sa” và mức án 07 năm 03 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt chung buộc bị cáo phải chấp hành là 08 năm 09 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 01/10/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày vào chấp hành án.

- Căn cứ điểm b, k khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Đặng Ngọc T1** mức án 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 09/8/2023).

- Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo **Lê Đức S1** mức án tù 01 năm 06 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2023 đến ngày 02/8/2023, thời gian chấp hành án tính từ ngày vào chấp hành án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Không có.

- **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng đối với các bị cáo.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Chấp nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu không liên quan đến hành vi phạm tội gồm:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri 1: 357761102026214, kèm sim số 0923150087 cho chủ sở hữu hợp pháp là Võ Trọng T.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo, số Imei 1: 866876063395558, kèm sim điện thoại số 0338531504 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S1.

- 01 (một) điện thoại di động Samsung, số I (khe 1): 358544101860372, kèm sim điện thoại số 0966236662 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, Imei 1: 352938771309734, Imei 2: 354350331309733, kèm sim số 0366498164 cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Đức S.

- **Tịch thu tiêu hủy các vật chứng mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội bao gồm:**

- 816 (tám trăm mười sáu) cây thảo mộc đựng trong 06 (sáu) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 1.075 (một nghìn không trăm bảy lăm) cây thảo mộc đựng trong 12 (mười hai) bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 107 (một trăm lẻ bảy) cây thảo mộc cao từ 20cm đến 60cm bỏ trong hai bao xác rắn màu xanh được niêm phong theo quy định.

- Đối với mẫu vật còn lại sau giám định của cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu xanh ký hiệu từ T1 đến T6, ký hiệu từ N1 đến N12, ký hiệu từ M5 đến M6, trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu từ M1 đến M4 (được niêm phong theo quy định) gồm: Cây và hoa cần sa trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu M1 có khối lượng 6100gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong bao xác rắn màu trắng ký hiệu M2 có khối lượng 7300gam, mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M3 có khối lượng 3300gam; mẫu vật còn lại sau giám định trong túi ni long trong suốt ký hiệu M4 có khối lượng 2700gam.

- Trả lại 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax, màu trắng, số Imei 350777739172988 (không gắn thẻ sim) của chị Nguyễn Thị Huyền T4.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei 358367101246719, kèm sim số 0823195658 của Võ Trọng T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone loại 6Plus và 01 (một) thẻ sim điện thoại số 0948380007 có số seri 8984020001141621339 của Đặng Ngọc T1;

01 cân đồng hồ màu xanh loại có khối lượng cân 05 kg, nhãn hiệu Nhơn Hòa; 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu SOME, màu nâu, biển kiểm soát 47P3 – 1326 (xe đã cũ), số máy: P50FMG001525, số khung: GOUM8XS01525 có giá 1.466.000 đồng (733.000 đồng). Đối với bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy

nêu trên cần tiếp tục thu giữ để đảm bảo công tác xử lý đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe mô tô 47P3-1326.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C với Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin)

- **Các biện pháp tư pháp:** Truy thu sung công quỹ Nhà Nước số tiền 140.000.000 đồng của Võ Trọng T và số tiền 10.000.000 đồng của Lê Đức b thu lợi bất chính từ việc bán ma túy.

Về án phí: Các bị cáo Võ Trọng T, Lê Đức B, Lê Đức S, Đặng Ngọc T1, Lê Đức S1 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- THADS huyện Cư Kuin;
- Sở Tư pháp;
- Phòng HSNVCA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ LỢI